| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN B**<br>**TỈNH BẮC KẠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 36/2018/QĐST-HNGĐ | *B, ngày 05 tháng 11 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 35/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị L**. Sinh năm 1989.
- Bị đơn: Anh **Vũ Văn L.** Sinh năm 1985.

Đều trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2018,

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**: Chị Trương Thị L và anh Vũ Văn L.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

*2.1. Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trương Thị L và anh Vũ Văn L thuận tình ly hôn.

*2.2. Về con chung*: Chị Trương Thị L và anh Vũ Văn L có 01 con chung là Vũ Thị Kim D, sinh ngày 25/5/2008, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Sau ly hôn chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi (theo nguyện vọng của con). Chị L không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*2.3. Về tài sản chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2.4. Về vay nợ chung*: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*2.5. Về án phí*: Chị Trương Thị L tự nguyện chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu số 08618 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Hoàn lại cho chị L số tiền 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Vũ Văn L không phải chịu án phí.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND H. B;
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã Đ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**
*(Đã ký )*

**Nguyễn Thế Doanh**